TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 111/2018/DS-ST
Ngày: 28 – 8 – 2018
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Tây

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hiếu Đạo

Bà Nguyễn Bạch Minh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Lil – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2018/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổng Công ty X.

Địa chỉ: Lô 1, phường Y, quận G, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Duy H, Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Quốc M, Chức vụ: Giám đốc Công ty Dịch vụ X khu vực 9 – Chi nhánh Tổng Công ty X.

Địa chỉ: Số 6, Đại lộ Hòa Bình, phường A, quận K, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Anh Phạm Văn H1, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Số 20 - 22, đường L, phường 3, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Nguyễn Hoàng C, sinh năm: 1985.

Trú tại: Khu vực 2, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Tổng Công ty X có người đại diện theo ủy quyền anh Phạm Văn H1 trình bày:

Ngày 17/9/2015, anh Nguyễn Hoàng C ký hợp đồng dịch vụ với Tổng Công ty X số thuê bao trả sau 0907.043.434, theo hợp đồng số: 0000880/4HGI00210/TT9. Khi thực hiện hợp đồng anh Nguyễn Hoàng C đã trả tiền sử dụng dịch vụ cho Công ty đến ngày 22/11/2016 thì không thực hiện nữa, Công ty đã nhiều lần yêu cầu anh Nguyễn Hoàng C trả tiền sử dụng dịch vụ còn thiếu nhưng anh Nguyễn Hoàng C vẫn không thực hiện và hiện tại anh Nguyễn Hoàng C vẫn còn nợ tiền sử dụng dịch vụ của Tổng Công ty X là 1.585.617 đồng.

Nay anh Phạm Văn H1 là đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty X yêu cầu anh Nguyễn Hoàng C có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 1.585.617 đồng.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Nguyễn Hoàng C để tiến hành phiên họp, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn cũng như bị đơn không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Hoàng C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về pháp luật áp dụng: Tại thời điểm giao kết hợp đồng thì hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự 2005 nhưng tại thời điểm phát sinh tranh chấp, xét xử Bộ luật dân sự năm 2005 đã hết hiệu lực và Bộ luật dân sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật, căn cứ vào điểm c

Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì hợp đồng dịch vụ giữa nguyên đơn và bị đơn vẫn được điều chỉnh bởi Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về nội dung: Hội đồng xét xử nhận thấy việc ký hợp đồng sử dụng dịch vụ giữa Tổng Công ty X và anh Nguyễn Hoàng C là có thật và việc ký hợp đồng giữa các đương sự hoàn toàn tự nguyện, đối tượng của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật theo quy định tại Điều 519 của Bộ luật dân sự 2005. Do đó, hợp đồng có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm các bên ký kết nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 520 của Bộ luật dân sự 2005 quy định nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ "Trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ theo thỏa thuận". Trong vụ án này giữa anh Nguyễn Hoàng C và Tổng Công ty X có thỏa thuận anh Nguyễn Hoàng C có nghĩa vụ trả tiền sử dụng dịch vụ và thời hạn trả cho Tổng Công ty X trong hợp đồng nhưng anh Nguyễn Hoàng C đã vi phạm hợp đồng, cụ thể là vi phạm thời hạn trả tiền và không trả tiền sử dụng dịch vụ cho Tổng Công ty X, việc làm của anh Nguyễn Hoàng C đã làm thiệt thòi đến quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty X. Do đó, nguyên đơn Tổng Công ty X khởi kiện bị đơn Nguyễn Hoàng C yêu cầu trả số tiền sử dụng dịch vụ còn nợ 1.585.617 đồng là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn Nguyễn Hoàng C phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 518; Điều 519; Điều 520 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty X có người đại diện theo ủy quyền anh Phạm Văn H1.

Buộc bị đơn Nguyễn Hoàng C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Tổng Công ty X có người đại diện theo ủy quyền anh Phạm Văn H1 số tiền sử dụng dịch vụ còn nợ là 1.585.617 (Một triệu nắm trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm mười bảy đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Hoàng C phải chịu nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Nguyên đơn Tổng Công ty X có người đại diện theo ủy quyền anh Phạm Văn H1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015623 phiếu lập ngày 13/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi bị đơn cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Lư Trường Tây